

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2021/HC-PT

Ngày 23 tháng 4 năm 2021

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai,
quyết định giải quyết khiếu nại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Thanh Dũng

Bà Mai Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 586/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 10 năm 2019 “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, quyết định giải quyết khiếu nại*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 432/2021/QĐPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 6, ấp 2, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X - Ông Đặng Thanh M (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Nguyễn Văn L- Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X (có mặt)

Ông Nguyễn Thanh T - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại D theo pháp luật: Ông Trần Văn K - Chủ tịch.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Ông Trần Văn K (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp:

1. Bà Phạm Thị B – Công chức địa chính xã H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2019, vắng mặt).

2. Ông Lê Tuấn V- Công chức địa chính xã H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2019, vắng mặt).

Người kháng cáo: người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn D trình bày:

Năm 1997 ông D có sang nhượng của ông Nguyễn Đình M thửa đất số 419, tờ bản đồ số 10, D tích 17.990m² tại xã H, huyện X (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00332 QSDĐ-0730/QĐ-UB ngày 17/11/1994) và được điều chỉnh ngày 21/6/2007 theo bản đồ số hóa năm 2005 với D tích 17.990m². Đất có tứ cận: Đông giáp sân bóng thửa 69, Tây giáp đất hoang, Nam giáp đường đi, Bắc giáp ông Mỹ Anh T.

Sau khi sang nhượng, ông sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Tháng 8/2008, Ủy ban nhân dân (UBND) xã H cho rằng ông đã lấn đất công (đất sân bóng) nên tổ chức cắm mốc, thu hồi hơn 2000m² đất và chặt 76 cây điều của ông để làm sân bóng.

Sau khi bị thu hồi đất, ông làm đơn khiếu nại liên tục. Đến năm 2014, UBND xã H ban hành Văn bản 266/UBND-TTĐ ngày 15/12/2014 trả lời đơn của ông với nội dung UBND xã H không thu hồi đất của ông để làm sân bóng đá và cắt của ông 76 cây điều như đơn ông đã nêu.

Không đồng ý, ông D tiếp tục gửi đơn khiếu nại. Ngày 15/12/2014 UBND xã H ban hành Công văn số 87/UBND (Công văn số 87) trả lời đơn của ông với nội dung UBND xã H không thu hồi đất của ông để làm sân bóng đá và cắt của ông 76 cây điều như đơn ông đã nêu, việc ông khiếu nại thửa đất thửa đất số 419, tờ bản đồ số 10 là không có cơ sở.

Không đồng ý, ông D tiếp tục khiếu nại. Ngày 24/8/2015 Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND (Quyết định số 124) giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông.

Ông D tiếp tục khiếu nại. Ngày 01/9/2015, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định 2746/QĐ-UBND giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại cho Phòng Tài nguyên – Môi trường. Tuy nhiên Phòng TN-MT không tổ chức xác minh giải quyết khiếu nại mà kéo dài việc giải quyết.

Ngày 28/3/2018, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 882/QĐ-UBND (Quyết định số 882) giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung bác đơn

khieu nại của ông.

Ông D cho rằng việc thu hồi đất làm sân bóng không đúng quy định pháp luật, việc giải quyết khiếu nại không có căn cứ pháp lý, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông.

Ngày 02/5/2018, Ông D nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 882/ QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện X.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện X giải quyết khiếu nại của ông theo quy định pháp luật.

Tại văn bản ý kiến số 4915/UBND-VP ngày 10/10/2018 và quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện X, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 24/8/2015, Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D (lần đầu); nội dung: Không chấp nhận đơn của ông Nguyễn Văn D khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã H ban hành Văn bản số 87/UBND-VP ngày 17/7/2015 có nội dung không chấp nhận yêu cầu trả lại D tích 2000m² đất nông nghiệp mà ông D cho rằng đã bị UBND xã H thu hồi trái quy định pháp luật.

Qua xác minh: D tích khoảng 2000m² đất thuộc một phần D tích đất sân vận động Ấp 2 (đất nhà nước quản lý) có nguồn gốc do thanh niên Ấp 2, xã H khai phá năm 1983 D tích sử dụng 10.395m². Năm 1996 do ranh mốc đất sân vận động chưa rõ ràng nên hộ ông Nguyễn Văn D tưởng là đất hoang nên đã vào trồng điều trên phần D tích khoảng 2000m² đất sân vận động Ấp 2; sự việc trên UBND xã H không phát hiện nên cũng không thông báo cho hộ ông D biết và xử lý theo quy định. Đến năm 2008 nhân dân Ấp 2 phản ánh đến UBND xã H việc hộ ông Nguyễn Văn D trồng điều trên một phần D tích đất sân vận động Ấp 2. Sau khi nhận được phản ánh của nhân dân Ấp 2, ngày 21/7/2008 UBND xã H tổ chức họp dân để xác định mốc giới đất sân vận động Ấp 2, tại buổi làm việc ý kiến của vợ chồng ông Nguyễn Văn D như sau: “nhất trí trả lại số đất đó và mong muốn được UBND xã H hỗ trợ công chăm sóc cây điều mỗi cây là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng, tổng cộng là 7.600.000 đồng (bảy triệu sáu trăm ngàn đồng)”. UBND xã H thống nhất: “hỗ trợ tiền công chăm sóc 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), còn 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm ngàn đồng) Ban ấp vận động nhân dân đóng góp mỗi hộ 10.000 đồng (mười ngàn đồng). Tại buổi làm việc vợ chồng ông Nguyễn Văn D thống nhất như sau: “gia đình chỉ nhận số tiền mà UBND xã H hỗ trợ còn tiền của nhân dân đóng góp tôi không nhận; còn số cây điều (76 cây) cho thanh niên ấp cắt và bán lấy tiền chi vào công tác dọn dẹp sân bóng”; đồng thời UBND xã H hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho thanh niên ấp trong công tác dọn dẹp.

Từ những kết quả thẩm tra xác minh trên cho thấy: D tích khoảng 2000m² đất nông nghiệp mà ông Nguyễn Văn D cho rằng UBND xã H đã thu hồi trái quy định pháp luật năm 2008 là đất sân vận động Ấp 2 (đất công do UBND xã H

quản lý); phần D tích này không thuộc một phần thửa 419 tờ bản đồ số 10 (thửa mới 130 tờ bản đồ 28) mà ông Nguyễn Đình Minh đã sang nhượng cho ông Nguyễn Văn D năm 2011. Đối với D tích này, vào năm 1996 do ranh mốc đất sân vận động chưa rõ ràng nên hộ ông Nguyễn Văn D tưởng là đất hoang nên đã vào trồng điều. Ngày 21/7/2008, UBND xã H tổ chức họp dân để xác định mốc giới đất sân vận động Ấp 2, thời điểm đó ông Nguyễn Văn D và vợ là bà Trần Thị H tự nguyện trả lại phần D tích đã trồng điều thuộc đất sân vận động và nhận 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền hỗ trợ công chăm sóc cây điều từ UBND xã H.

Như vậy, việc UBND xã H ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D (lần đầu); nội dung: Không chấp nhận đơn của ông Nguyễn Văn D khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã H ban hành Văn bản số 87/UBND-VP ngày 17/7/2015 có nội dung không chấp nhận yêu cầu trả lại D tích 2000m² đất nông nghiệp cho ông Nguyễn Văn D là đúng theo quy định pháp luật.

Chủ tịch UBND huyện X không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn D về việc: “giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D cư ngụ tại ấp 2 xã H, huyện X tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của UBND xã H” là đúng theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H, Chủ tịch UBND xã H không tham gia đối thoại, không có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án số 40/2019/HC-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Văn D.

- Hủy Quyết định 882/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X;

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện X;

- Hủy Văn bản 266/UBND-TTĐ ngày 15/12/2014, Văn bản số 87/UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện X;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân huyện X giải quyết đơn khiếu nại của ông D theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/7/2019, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X ông Đặng Thanh Minh kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là ông Nguyễn Văn L vẫn

giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông D về việc yêu cầu hủy Quyết định 882/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X về việc giải quyết khiếu nại đối với ông D. Với các lý do: D tích 2000m² đất nông nghiệp mà ông D khởi kiện không thuộc một phần thửa 419 tờ bản đồ số 10 mà ông Nguyễn Đình Minh đã sang nhượng cho ông D năm 2011; Năm 1996, do ranh mốc đất sân vận động chưa rõ ràng nên hộ ông D tưởng là đất hoang nên trồng điều. Ngày 21/7/2008, Ủy ban nhân dân xã H tổ chức họp dân để xác định mốc giới sân vận động Ấp 2, vợ chồng ông D tự nguyện trả lại phần D tích trồng điều thuộc đất sân vận động và nhận 5.000.000 đồng tiền hỗ trợ công chăm sóc cây điều từ Ủy ban nhân dân xã H; Ủy ban nhân dân huyện X ban hành Quyết định số 882/2018/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 là đúng theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện là ông Đặng Thanh M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có đơn xin xét xử vắng mặt

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn D đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông Nguyễn Thanh Tâm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H có người đại diện hợp pháp là bà Phạm Thị B và ông Lê Tuấn V - Cán bộ địa chính xã H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Quyết định 882/QĐ-UBND và các quyết định liên quan được ban hành không đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân xã H cho rằng đất của sân bóng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh, không lý giải được lý do biến động tăng D tích đất cụ thể theo hồ sơ địa chính năm 1993, 2005 thì D tích sân bóng là 4.968m², bản đồ năm 2009 là 10.395m². Do đó yêu cầu khởi kiện của ông D là có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ

diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn D các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện là ông Đặng Thanh M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông Nguyễn Thanh Tâm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H có người đại diện hợp pháp là bà Phạm Thị B và ông Lê Tuấn V - Cán bộ địa chính xã H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 255 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định.

- *Về đối tượng khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X về việc giải quyết khiếu nại đối với ông D, là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Công văn số 87/UBND ngày 17/7/2015, Công văn 266/UBND-TTĐ ngày 15/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã H là các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện nên thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng xét xử theo khoản 1, khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Quyết định số 882/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X về việc giải quyết khiếu nại đối với ông D được ban hành ngày 28/3/2018. Ngày 02/5/2018, ông D khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

- *Về thời hạn kháng cáo:* Ngày 26/7/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Tháng 8/2008, Ủy ban nhân dân xã H, huyện X cho rằng ông Nguyễn Văn D đã lấn đất công (đất sân bóng) nên tổ chức cắm mốc, thu hồi hơn 2.000m² đất và chặt 76 cây điều của ông D để làm sân bóng.

Sau khi bị thu hồi đất, ông D làm đơn khiếu nại liên tục. Ủy ban nhân dân xã H ban hành Công văn số 266/UBND-TTĐ ngày 15/12/2014 và Công văn số 87/UBND ngày 17/7/2015 trả lời đơn khiếu nại của ông D với nội dung Ủy ban nhân dân xã H không thu hồi đất của ông để làm sân bóng đá và cắt của ông 76 cây điều như đơn ông đã nêu, việc ông khiếu nại thừa đất thừa đất số 419, tờ bản đồ số 10 là không có cơ sở.

Không đồng ý, ông D tiếp tục khiếu nại. Ngày 24/8/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông D với nội dung: Không chấp nhận đơn của ông Nguyễn Văn D khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã H ban hành Công văn số 87/UBND-VP có nội dung không chấp nhận yêu cầu trả lại D tích 2.000m² đất nông nghiệp cho ông D.

Ông D tiếp tục khiếu nại. Ngày 01/9/2015, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định 2746/QĐ-UBND giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại cho Phòng Tài nguyên - Môi trường. Ngày 28/3/2018, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 882/ QĐ-UBND giải quyết với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn D, giữ nguyên Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện X.

Như vậy, quyết định bị kiện và các quyết định có liên quan được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 27 đến Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.1] Về nội dung của các quyết định:

- *Nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất 419, tờ bản đồ số 10:*

Ngày 17/11/1994, ông Nguyễn Đình M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 149 (thửa 419 theo bản đồ số năm 2005), tờ bản đồ số 10, D tích 1500m² tại xã H, huyện X. Ngày 15/3/1997, ông Nguyễn Văn D nhận chuyển nhượng D tích đất trên từ ông M bằng giấy viết tay “*Giấy nhận tiền cọc*” và trực tiếp sử dụng đất.

Ngày 21/06/2007, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X xác nhận vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M số liệu theo bản đồ số năm 2005, thửa 419, tờ bản đồ số 10, D tích 17.990m² . Có sơ đồ vị trí đất có xác nhận Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X. Đất có tứ cận: Đông giáp sân bóng thừa 69, Tây giáp đất hoang, Nam giáp đường đi, Bắc giáp ông Mỹ Anh T.

Tháng 8/2008, Ủy ban nhân dân xã H cho rằng ông D đã lấn đất công (đất sân bóng) nên tổ chức cắm mốc, thu hồi hơn 2.000m² đất và chặt 76 cây điều của ông D để làm sân bóng.

Ngày 20/4/2011, ông M mới ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 149 (thửa 419 theo bản đồ số năm 2005), tờ bản đồ số 10, D tích 17.990m² tại xã H, huyện X cho ông Nguyễn Văn D, có xác nhận của Văn Phòng công chứng H, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 23/3/2012, ông D được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 381601 đối với thửa đất số 130, tờ bản đồ 28, D tích 17.141m² (bản đồ địa chính năm 2009). Như vậy, ông Nguyễn Văn D đã nhận chuyển nhượng đất hợp pháp từ ông Nguyễn Đình M phần đất cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi chuyển nhượng.

Ông D cũng lý giải lý do sau khi Ủy ban nhân dân xã H thu hồi D tích hơn 2.000m² đất năm 2008 nhưng D tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012 của ông vẫn là 17.141m² là do thửa đất số 130, tờ bản đồ 28 (bản đồ địa chính năm 2009) đã bao gồm cả phần đất thuộc thửa 149 cũ và thửa đất khác giáp đất của ông Minh do ông mua lại của ông Nguyễn Văn Sinh, hiện nay ông Sinh đã đi Mỹ.

- Đối với D tích đất sân bóng thuộc thửa số 96 tờ bản đồ số 10:

Theo Sổ mục kê năm 1993 thể hiện thửa 96 D tích 4.927m², sân bóng. Bản đồ địa chính năm 2005 thể hiện thửa 96, D tích 4.966m² đất XD.

Theo Sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 2009 thể hiện là thửa 68, D tích 10.395m² loại đất DTT do Ủy ban nhân dân xã quản lý.

Ủy ban nhân dân xã H cho rằng D tích hơn 2.000m² đất đang tranh chấp là của sân bóng và không thuộc thửa 149 (thửa 419 theo bản đồ số năm 2005), tờ bản đồ số 10 của ông Nguyễn Văn D nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh, Ủy ban nhân dân xã không đăng ký đối với phần đất này và không lý giải được lý do D tích sân bóng có biến động tăng hơn 5.000m² theo Sổ mục kê năm 2005 và năm 2009.

Đồng thời, theo Sơ đồ vị trí thửa đất lập ngày 28/8/2018 để phục vụ giải quyết khiếu nại của ông D thể hiện trong phần D tích hiện tại của sân bóng có 3.027m² đất thuộc thửa 419, tờ bản đồ số 10 theo bản đồ số hóa năm 2005.

Mặt khác, thời điểm năm 2008, khi Ủy ban nhân dân xã H xác định lại ranh giới thửa đất của sân bóng và thu hồi D tích hơn 2.000² từ D tích đất ông D đang sử dụng thì ông D chưa phải là người sử dụng đất hợp pháp, vì ông Minh là

người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó việc xác định lại ranh đất sân bóng không có xác nhận của ông Minh là không đúng quy định pháp luật đất đai.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định D tích đất khoảng 2.000m² mà Ủy ban nhân dân xã H thu hồi của ông Nguyễn Văn D không phải là đất của sân vận động mà thuộc thửa 419, tờ bản đồ số 10 do ông Nguyễn Văn D sang nhượng lại của ông Nguyễn Đình Minh năm 1997. Do đó, Công văn số 266/UBND-TTĐ ngày 15/12/2014, Công văn số 87/UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã H; Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H; Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X bác đơn khiếu nại của ông D là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Văn D.

- Hủy Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Hủy Công văn số 266/UBND-TTĐ ngày 15/12/2014 và Công văn số 87/UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã H; Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện nhiệm vụ, công theo quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng án phí do ông Nguyễn Thanh T là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số TU/2017/0007275 ngày 31/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh(1);
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
- Người khởi kiện(1);
- Người bị kiện(1);
- Lưu hồ sơ(1),VP(3),13b.

Nguyễn Văn Minh